



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2025

**LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHOÁ 2023 (C1)**

| ST<br>T | Lớp học  | Mã học phần | Nhóm | Sĩ số | Môn thi                                 | Thứ | Ngày thi   | Thời<br>gian<br>thi | Giờ thi | Hình thức thi         | Phòng Thi |
|---------|----------|-------------|------|-------|-----------------------------------------|-----|------------|---------------------|---------|-----------------------|-----------|
| 1       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 1    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 01 |
| 2       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 2    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 02 |
| 3       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 3    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 03 |
| 4       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 4    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 04 |
| 5       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 5    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 05 |
| 6       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 6    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 01 |
| 7       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 7    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 02 |
| 8       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 8    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 03 |
| 9       | 23C1-CNÔ | 0211001472  | 9    | 36    | Nguyên lý - Chi tiết máy                | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 05 |
| 10      | 23C1-CNL | 0211000090  |      | 13    | Kỹ thuật sấy                            | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 11      | 23C1-KTD | 0211002343  |      | 19    | Thị trường chứng khoán                  | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C3.2 - 01 |
| 12      | 23C1-TMB | 0211003121  |      | 17    | Pháp luật thương mại điện tử            | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 13      | 23C1-QTD | 0211002455  |      | 19    | Quản trị chuỗi cung ứng                 | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C3.2 - 02 |
| 14      | 23C1-QKS | 0211002561  |      | 18    | Nghiệp vụ thanh toán trong khách sạn    | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 15      | 23C1-LGT | 0211002353  |      | 26    | Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C3.2 - 03 |
| 16      | 23C1-VSL | 0211000857  |      | 19    | Thiết kế kho lạnh                       | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 17      | 23C1-ĐCN | 0211000036  |      | 47    | Điện công nghiệp                        | 3   | 23/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C3.2 - 04 |
| 18      | 23C1-    | 0211002396  | 1    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 01 |
| 19      | 23C1-    | 0211002396  | 2    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 02 |
| 20      | 23C1-    | 0211002396  | 3    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 03 |
| 21      | 23C1-    | 0211002396  | 4    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 04 |
| 22      | 23C1-    | 0211002396  | 5    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 05 |
| 23      | 23C1-    | 0211002396  | 6    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 01 |
| 24      | 23C1-    | 0211002396  | 7    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 02 |
| 25      | 23C1-    | 0211002396  | 8    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 03 |
| 26      | 23C1-    | 0211002396  | 9    | 38    | Pháp luật                               | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 05 |

| ST<br>T | Lớp học               | Mã học phần | Nhóm | Sĩ số | Môn thi                          | Thứ | Ngày thi   | Thời<br>gian<br>thi | Giờ thi | Hình thức thi         | Phòng Thi |
|---------|-----------------------|-------------|------|-------|----------------------------------|-----|------------|---------------------|---------|-----------------------|-----------|
| 27      | 23C1-                 | 0211002396  | 10   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.2 - 01 |
| 28      | 23C1-                 | 0211002396  | 11   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.2 - 02 |
| 29      | 23C1-                 | 0211002396  | 12   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.2 - 03 |
| 30      | 23C1-                 | 0211002396  | 13   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.2 - 04 |
| 31      | 23C1-                 | 0211002396  | 14   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.3 - 01 |
| 32      | 23C1-                 | 0211002396  | 15   | 38    | Pháp luật                        | 3   | 23/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C3.3 - 02 |
|         |                       |             |      |       |                                  |     |            |                     |         |                       |           |
| 1       | 23C1-NNA              | 0211002474  |      | 16    | Tiếng Hoa                        | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 01 |
| 2       | 23C1-NTN              | 0211003296  |      | 8     | Tiếng Nhật tài chính – ngân hàng | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 3       | 23C1-ĐĐT;<br>24T4-ĐTC | 0211000212  |      | 35    | Tự động hóa quá trình công nghệ  | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 02 |
| 4       | 23C1-KTD              | 0211002338  |      | 19    | Kế toán hành chính sự nghiệp     | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 03 |
| 5       | 23C1-TMD              | 0211003450  |      | 16    | Khởi nghiệp kinh doanh TMDT      | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 6       | 23C1-QTD              | 0211002458  |      | 17    | Quản trị chất lượng              | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 04 |
| 7       | 23C1-KXD              | 0211002109  |      | 12    | Đấu thầu và tổ chức đấu thầu     | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 8       | 23C1-LGT              | 0211002042  |      | 26    | Dịch vụ khách hàng               | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 05 |
| 9       | 23C1-NHQ              | 0211003509  |      | 4     | Tiếng Hàn tài chính – Ngân hàng  | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Tự luận               |           |
| 10      | 23C1-ĐCN              | 0211000209  | 1    | 35    | Truyền động điện và ứng dụng     | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 01 |
| 11      | 23C1-ĐCN              | 0211000209  | 2    | 15    | Truyền động điện và ứng dụng     | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 03 |
| 12      | 23C1-KLB              | 0211002395  |      | 8     | Văn hóa ẩm thực                  | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 13      | 23C1-CNL              | 0211002415  |      | 15    | Nhà máy nhiệt điện               | 6   | 26/12/2025 | 90                  | 07H30   | Tự luận               | C2.3 - 05 |
| 14      | 23C1-QNH              | 0211002529  |      | 17    | Giao tiếp trong du lịch          | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 15      | 23C1-NNA              | 0211002611  |      | 15    | Tiếng Anh Logistics              | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 01 |
| 16      | 23C1-NTN              | 0211003059  |      | 8     | Tiếng Nhật văn phòng             | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 17      | 23C1-ĐĐT              | 0211001291  |      | 49    | Điện tử tương tự                 | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 02 |
| 18      | 23C1-KTD              | 0211002340  |      | 19    | Kế toán quản trị                 | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 03 |
| 19      | 23C1-TMD              | 0211003120  |      | 17    | Mạng và truyền thông             | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 20      | 23C1-QTD              | 0211002452  |      | 19    | Quản trị tài nguyên nhân sự      | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 04 |
| 21      | 23C1-KXD              | 0211002374  |      | 12    | Kỹ thuật thi công                | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 22      | 23C1-LGT              | 0211002351  |      | 26    | Bao bì - Đóng gói hàng hóa       | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 05 |
| 23      | 23C1-NHQ              | 0211003503  |      | 4     | Lịch sử Hàn Quốc                 | 6   | 26/12/2025 | 60                  | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |

| ST T | Lớp học          | Mã học phần | Nhóm | Sĩ số | Môn thi                                          | Thứ | Ngày thi   | Thời gian thi | Giờ thi | Hình thức thi         | Phòng Thi |
|------|------------------|-------------|------|-------|--------------------------------------------------|-----|------------|---------------|---------|-----------------------|-----------|
| 24   | 23C1-ĐCN         | 0211000039  |      | 45    | Điện tử công suất                                | 6   | 26/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 01 |
| 25   | 23C1-CTM         | 0211001234  |      | 20    | Máy cắt kim loại                                 | 6   | 26/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 03 |
| 26   | 23C1-KML;<br>CNL | 0211001435  |      | 42    | Chuyên đề máy lạnh                               | 6   | 26/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 05 |
|      |                  |             |      |       |                                                  |     |            |               |         |                       |           |
| 1    | 23C1-QTD         | 0211002047  |      | 18    | Quản trị xuất nhập khẩu                          | 2   | 29/12/2025 | 90            | 13H00   | Tự luận               | C2.2 - 03 |
| 2    | 23C1-KTD         | 0211002211  |      | 19    | Tài chính doanh nghiệp 1                         | 2   | 29/12/2025 | 90            | 13H00   | Tự luận               |           |
| 3    | 23C1-KTD         | 0211003305  |      | 19    | Báo cáo thuế                                     | 2   | 29/12/2025 | 60            | 15H30   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 03 |
|      |                  |             |      |       |                                                  |     |            |               |         |                       |           |
| 1    | 23C1-CCK         | 0211001283  | 1    | 38    | Kỹ thuật thủy lực - Khí nén                      | 3   | 30/12/2025 | 90            | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 01 |
| 2    | 23C1-CCK         | 0211001283  | 2    | 18    | Kỹ thuật thủy lực - Khí nén                      | 3   | 30/12/2025 | 90            | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 02 |
| 3    | 23C1-CTM         | 0211000861  |      | 16    | Công nghệ chế tạo máy                            | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 4    | 23C1-KTD         | 0211002051  |      | 20    | Phân tích hoạt động kinh doanh                   | 3   | 30/12/2025 | 90            | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 03 |
| 5    | 23C1-TMĐ         | 0211003123  |      | 16    | Thương mại di động                               | 3   | 30/12/2025 | 90            | 07H30   | Tự luận               |           |
| 6    | 23C1-QTD         | 0211002140  |      | 17    | Quản trị tác nghiệp                              | 3   | 30/12/2025 | 90            | 07H30   | Tự luận               | C2.2 - 04 |
| 7    | 23C1-CNL         | 0211000898  |      | 13    | Lò hơi                                           | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 8    | 23C1-LGT         | 0211002463  |      | 26    | Quản trị Logistics                               | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 05 |
| 9    | 23C1-NHQ         | 0211003510  |      | 4     | Tiếng Hàn hành chính – Văn phòng                 | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Tự luận               |           |
| 10   | 23C1-NNA         | 0211002577  |      | 14    | Tiếng Anh Marketing                              | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 01 |
| 11   | 23C1-NTN         | 0211003515  |      | 7     | Văn hóa Nhật Bản                                 | 3   | 30/12/2025 | 60            | 07H30   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 12   | 23C1-CTM         | 0211000780  |      | 17    | Trang bị điện trong máy cắt kim loại             | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 01 |
| 13   | 23C1-QTD         | 0211002457  |      | 17    | Kinh doanh quốc tế                               | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 14   | 23C1-KML         | 0211002417  |      | 29    | Thông gió và xử lý khí thải                      | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 02 |
| 15   | 23C1-KTD         | 0211003304  |      | 22    | Kế toán tài chính 3                              | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 03 |
| 16   | 23C1-TMĐ         | 0211003336  |      | 16    | Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 17   | 23C1-LGT         | 0211002349  |      | 26    | Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu                 | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 04 |
| 18   | 23C1-NTN         | 0211003516  |      | 7     | Lịch sử Nhật Bản                                 | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Tự luận               |           |
| 19   | 23C1-NNA         | 0211002610  |      | 15    | Tiếng Anh Quản trị                               | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.2 - 05 |
| 20   | 23C1-NHQ         | 0211003502  |      | 4     | Văn hóa Hàn Quốc                                 | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy |           |
| 21   | 23C1-ĐĐT         | 0211001419  |      | 33    | Kỹ thuật lắp đặt điện                            | 3   | 30/12/2025 | 60            | 10H00   | Trắc nghiệm trên giấy | C2.3 - 01 |
|      |                  |             |      |       |                                                  |     |            |               |         |                       |           |

| ST<br>T | Lớp học | Mã học phần | Nhóm | Sĩ số | Môn thi | Thứ | Ngày thi | Thời<br>gian<br>thi | Giờ thi | Hình thức thi | Phòng Thi |
|---------|---------|-------------|------|-------|---------|-----|----------|---------------------|---------|---------------|-----------|
|---------|---------|-------------|------|-------|---------|-----|----------|---------------------|---------|---------------|-----------|